

BỆNH VIỆN ĐK QUẢNG XƯƠNG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: Bác sĩ hạng III (V.08.01.03)**

Mẫu số 14

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ					Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7+8	10
1	Hoàng Thị An		23/5/1993	Quảng phong - Quảng Xương - TH	Bác sĩ đa khoa	90.5		90.50	Chín mươi phẩy năm mươi
2	Đặng Trọng Anh		14/04/1994	Hải Xuân - Quan Hóa - TH	Bác sĩ đa khoa	0		0.00	Không tham gia xét tuyển
3	Lê Thị Kim Anh		20/11/1994	Quảng Nhân - Quảng Xương - TH	Bác sĩ đa khoa	95		95.00	Chín mươi lăm
4	Lã Văn Đạt	06/7/1993		Phố Nam Sơn - P.An Hoạch - TPTH	Bác sĩ YHCT	0		0.00	Không tham gia xét tuyển
5	Hoàng Thị Hà		24/12/1994	Thị Trấn Triệu Sơn - TH	Bác sĩ đa khoa	90		90.00	Chín mươi
6	Nguyễn Văn Hải	04/4/1995		Quảng Ninh - Quảng Xương - TH	Bác sĩ đa khoa	95		95.00	Chín mươi lăm
7	Nguyễn Thu Hương		28/3/1993	Quảng phong - Quảng Xương - TH	Bác sĩ đa khoa	94.5		94.50	Chín mươi bốn phẩy năm mươi
8	Trần Thị Hường		05/9/1994	Quảng Nhân - Quảng Xương - TH	Bác sĩ đa khoa	98.5		98.50	Chín mươi tám phẩy năm mươi
9	Hoàng Vũ Thu Huyền		04/12/1994	Nguyệt Án - Ngọc Lặc - TH	Bác sĩ YHCT	91		91.00	Chín mươi một
10	Nguyễn Thị Khánh Huyền		10/4/1994	Quảng Đại - TP Sầm Sơn - TH	Bác sĩ đa khoa	90		90.00	Chín mươi
11	Cầm Thị Huyền		05/6/1993	Luận Khê - Thường Xuân - TH	Bác sĩ đa khoa	91	5	96.00	Chín mươi sáu

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ					Bảng số	Bảng chữ
12	Đình Ngọc Minh	11/12/1993		Lô 160 LK4, MBQH số 121/UB P. Đông Vệ, TPTH	Bác sĩ đa khoa	0		0.00	Không tham gia xét tuyển
13	Hoàng Văn Ngọc	18/12/1984		Quảng Hợp - Quảng Xương - TH	Bác sĩ YHCT	98		98.00	Chín mươi tám
14	Viên Thị Nhung		02/02/1995	Quảng Đại - TP Sầm Sơn - TH	Bác sĩ đa khoa	93		93.00	Chín mươi ba
15	Bùi Thị Phương		02/9/1995	Quảng Hải - Quảng Xương - TH	Bác sĩ đa khoa	91		91.00	Chín mươi một
16	Nguyễn Văn Quân	27/3/1995		Quảng Yên - Quảng Xương - TH	Bác sĩ đa khoa	93		93.00	Chín mươi ba
17	Bùi Thị Quế		23/10/1994	Thành Tráng - P. Quảng Thành - TPTH	Bác sĩ đa khoa	94		94.00	Chín mươi bốn
18	Phạm Hồng Sơn	07/02/1992		Thủy Sơn - Ngọc Lặc - TH	Bác sĩ đa khoa	90	5	95.00	Chín mươi lăm
19	Lê Đình Tài	10/6/1991		Quảng Nhân - Quảng Xương - TH	Bác sĩ đa khoa	97.5		97.50	Chín mươi bảy phẩy năm mươi
20	Bùi Thị Thảo		24/7/1993	Yên Cát - Như Xuân _ TH	Bác sĩ đa khoa	0		0.00	Không tham gia xét tuyển
21	Lê Thị Thảo		01/12/1995	Quảng Bình - Quảng Xương - TH	BS đa khoa	0		0.00	Không tham gia xét tuyển
22	Nguyễn Thị Thu		14/9/1993	Chính Hảo - Quảng Đông - TPTH	Bác sĩ đa khoa	95		95.00	Chín mươi lăm
23	Lê Thị Thúy		17/12/1992	Quảng Lộc - Quảng Xương - TH	Bác sĩ YHCT	100		100.00	Một trăm
24	Bùi Văn Tuấn	24/8/1994		Thành An - Thạch Thành - TH	Bác sĩ đa khoa	91		91.00	Chín mươi một
25	Phạm Thị Tuyết		10/4/1994	Quảng Đức - Quảng Xương - TH	Bác sĩ đa khoa	95.5		95.50	Chín mươi lăm phẩy năm mươi
26	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		13/8/1994	Ngọc Phụng - Thường Xuân - TH	Bác sĩ đa khoa	100		100.00	Một trăm



THƯ KÝ

(Handwritten signature in blue ink)

(Handwritten signature in blue ink)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13)

Mẫu số 14

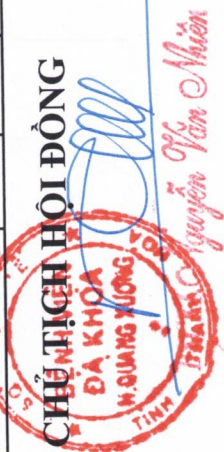
TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ					Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7+8	10
1	Mai Hiền Anh		15/8/1991	Đông Đa - TT Quảng Xương - TH	CĐ Điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
2	Lê Thị Ngọc Anh		25/4/1997	Quảng Bình - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	88		88.00	Tám mươi tám
3	Bùi Thị Chung		20/6/1986	Quảng Tân - Quảng Xương - TH	TC Điều dưỡng	90.5		90.50	Chín mươi phẩy năm mươi
4	Hoàng Văn Đạo	19/7/1993		Quảng Ngọc - Quảng Xương - TH	CĐ Điều dưỡng	87	5	92.00	Chín mươi hai
5	Lê Thị Diệp		16/01/1993	Quảng Ngọc - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	88		88.00	Tám mươi tám
6	Nguyễn Thành Đồng	01/12/1987		Quảng Bình - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
7	Phạm Văn Đức	16/01/1996		Minh Sơn - Ngọc Lặc - TH	CĐ điều dưỡng	28		28.00	Hai mươi tám
8	Hoàng Thị Dung		16/8/1994	Quảng Trạch - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
9	Lê Thị Dung		15/9/1990	Quảng Đức - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
10	Nguyễn Thùy Dung		05/12/1991	Khu phố 1 - TT Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
11	Trần Anh Dũng	19/4/1987		Quảng Phong - Quảng Xương - TH	TC Điều dưỡng	89		89.00	Tám mươi chín
12	Nguyễn Mạnh Duy	01/12/1990		Quảng Tân - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	87	2.5	89.50	Tám mươi chín phẩy năm mươi
13	Nguyễn Thị Duyên		18/8/1993	Quảng Lợi - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
14	Lê Xuân Hải	05/5/1991		Thị trấn Sao Vàng - Thọ Xuân - TH	CĐ điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ					Bảng số	Bảng chữ
15	Trần Thị Hằng		12/6/1992	Quảng Phúc - Quảng Xương - TH	TC Điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
16	Bùi Thị Hằng		27/5/1989	Quảng Tân - Quảng Xương - TH	CD điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
17	Hoàng Thị Hằng		10/3/1990	Quảng Tân - Quảng Xương - TH	CD điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
18	Nguyễn Thị Hạnh		06/06/1990	Khu phố I - TT Quảng Xương - TH	CD điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
19	Lê Thị Hoa		23/7/1993	Quảng Tân - Quảng Xương - TH	CD điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
20	Trần Thị Hồng		07/9/1992	Quảng Tân - Quảng Xương - TH	CD điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
21	Hoàng Thị Hồng		30/4/1990	Yên Phong - Yên Định - TH	CD điều dưỡng	87.5		87.50	Tám mươi bảy phẩy năm mươi
22	Bùi Đức Hợp	28/3/1989		Quảng Phong - Quảng Xương - TH	TC Điều dưỡng	88		88.00	Tám mươi tám
23	Vũ Thị Huê		06/5/1993	Quảng Thịnh - TP Thanh Hóa	CD điều dưỡng	86		86.00	Tám mươi sáu
24	Lê Thị Thu Hương		07/9/1993	Hoàng Xuyên - Hoàng Hóa - TH	CD điều dưỡng	83.5		83.50	Tám mươi ba phẩy năm mươi
25	Hoàng Thị Hương		25/5/1989	Quảng Long - Quảng Xương - TH	CD điều dưỡng	89		89.00	Tám mươi chín
26	Nguyễn Thị Huyền		19/9/1990	Quảng Đức - Quảng Xương - TH	CD điều dưỡng	85.5		85.50	Tám mươi lăm phẩy năm mươi
27	Bùi Thị Linh		20/4/1992	Quảng Đức - Quảng Xương - TH	CD điều dưỡng	87.5		87.50	Tám mươi bảy phẩy năm mươi
28	Nguyễn Thị Lý		26/02/1989	Quảng Ngọc - Quảng Xương - TH	CD điều dưỡng	85.5		85.50	Tám mươi lăm phẩy năm mươi
29	Nguyễn Vũ Nghĩa	15/4/1995		Khu phố I - TT Quảng Xương - TH	CD điều dưỡng	50	2.5	52.50	Năm mươi hai phẩy năm mươi
30	Bùi Thị Ngọc		13/2/1991	Quảng Đông - TP Thanh Hóa	CD Điều dưỡng	85.5		85.50	Tám mươi lăm phẩy năm mươi
31	Bùi Thị Nhung		07/5/1988	Quảng Nham - Quảng Xương - TH	CD Điều dưỡng	87		87.00	Tám mươi bảy
32	Tô Thị Nhung		18/8/1990	Quảng Thái - Quảng Xương - TH	CD điều dưỡng	84.5		84.50	Tám mươi bốn phẩy năm mươi

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ					Bảng số	Bảng chữ
33	Nguyễn Đức Phong	19/5/1992		Quảng Lưu - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	89		89.00	Tám mươi chín
34	Bùi T Bích Phương		18/5/1991	Quảng Tân - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	85		85.00	Tám mươi lăm
35	Lê Kỳ Thanh	25/9/1992		Quảng Ngọc - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	87.5		87.50	Tám mươi bảy phẩy năm mươi
36	Lê Thị Thảo		22/7/1997	Thị Trấn Quảng Xương - TH	CĐ Điều dưỡng	91		91.00	Chín mươi mốt
37	Lê T Phương Thảo		10/12/1993	Quảng Trường - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
38	Lê Thị Thiết		29/6/1990	Khu phố I - TT Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	87		87.00	Tám mươi bảy
39	Lê Thị Hoài Thu		25/12/1990	Quảng Tân - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
40	Phạm Thị Thúy		20/01/1991	Quảng Phong - Quảng Xương - TH	CĐ Điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
41	Ngô Thị Thùy		10/9/1989	Quảng Nhân - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
42	Phạm Văn Tiến	05/4/1987		Quảng Đức - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	88		88.00	Tám mươi tám
43	Trương Thị Tú		09/3/1989	Quảng Thành - Thành Phố TH	CĐ điều dưỡng	86		86.00	Tám mươi sáu
44	Lê Văn Từ	17/7/1991		Thị Trấn Quảng Xương - TH	CĐ Điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
45	Nguyễn Thanh Tùng	05/06/1996		Quảng Lợi - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
46	Nguyễn Thị Tuyền		06/4/1992	Quảng Lưu - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
47	Nguyễn Thị Tuyền		20/01/1989	Quảng Bình - Quảng Xương - TH	TC Điều dưỡng	88		88.00	Tám mươi tám
48	Phùng Thị Tuyết		13/12/1992	Quảng Ninh - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	89		89.00	Tám mươi chín
49	Phạm Thị Vân		10/10/1996	Quảng Phong - Quảng Xương - TH	CĐ điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
50	Bùi Đức Việt	22/12/1989		Quảng Tân - Quảng Xương - TH	CĐ Điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi

THƯ KÝ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Văn Cường

BỆNH VIỆN ĐK QUẢNG XƯƠNG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: Điều dưỡng hạng III (V.08.05.12)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ					Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7+8	10
1	Lê Thị Dung		16/7/1996	Quảng Tân - Quảng Xương - Thanh Hóa	ĐH điều dưỡng	45		45.00	Bốn mươi lăm
2	Phạm Thị Hằng		06/9/1990	Quảng Vinh- TP Sầm Sơn - TH	ĐH điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
3	Nguyễn Thị Hiền		15/5/1992	Quảng Trạch - Quảng Xương - Thanh Hóa	ĐH điều dưỡng	85		85.00	Tám mươi lăm
4	Nguyễn Thị Mai		25/5/1991	Quảng Cát - TP Thanh Hóa	ĐH điều dưỡng	90		90.00	Chín mươi
5	Trịnh Thị Hằng Nga		01/8/1996	Quảng Thịnh - TP Thanh Hóa	ĐH điều dưỡng	47		47.00	Bốn mươi bảy
6	Nguyễn Thị Hồng Nhung		25/9/1985	Thịnh Lộc - Hậu Lộc - Thanh Hóa	ĐH điều dưỡng	89		89.00	Tám mươi chín
7	Lê Thị Thu		23/3/1992	Quảng Hòa - Quảng Xương - Thanh Hóa	ĐH điều dưỡng	90	5	95.00	Chín mươi lăm

Mẫu số 14

THỦ KÝ



Nguyễn Danh Đức

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG





BỆNH VIỆN ĐK QUẢNG XUƠN
 HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH
 VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18)

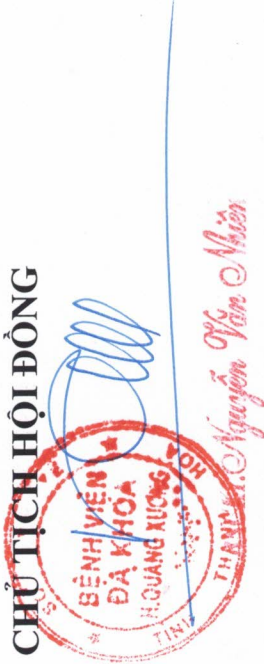
Mẫu số 14

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ					Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7+8	10
1	Lê Thùy Dung		26/4/1994	Quảng Lợi - Quảng Xương - TH	ĐH KTXN Y Học	98.00		98.00	Chín mươi tám
2	Nguyễn Thị Trang		10/2/1991	Quảng Phong - Quảng Xương - TH	ĐH KTXN Y Học	97.00		97.00	Chín mươi bảy

THƯ KÝ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Signature)
 Nguyễn Danh Đức



BỆNH VIỆN ĐK QUẢNG XƯƠNG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: Kỹ thuật y hạng IV (V.08.07.18)

Mẫu số 14

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ					Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7+8	10
1	Phạm Thị Kim Anh		08/02/1992	Quảng Vọng - Quảng Xương - TH	CD KTV XN	100		100.00	Một trăm
2	Lê Ngọc Trâm Anh		22/7/1990	Quảng Cát - TP Thanh Hóa	CD KTV XN	93	5	98.00	Chín mươi tám
3	Nguyễn Ngọc Ánh		26/4/1994	Quảng Tân - Quảng Xương - TH	CD KTV XN	100		100.00	Một trăm
4	Trần Văn Năm	20/7/1991		Quảng Thái - Quảng Xương - TH	CD KTV CDHA	100		100.00	Một trăm
5	Trịnh Văn Tư	09/4/1993		Quảng Bình - Quảng Xương - TH	CD KTV CDHA	100	2.5	102.50	Một trăm lẻ hai năm mươi

THƯ KÝ

Nguyễn Danh Đức

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

ĐẠI. Nguyễn Văn Nhiên

BỆNH VIỆN ĐK QUẢNG XƯƠNG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: Hộ sinh hạng IV (V.08.06.16)

Mẫu số 14

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ					Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7+8	10
1	Phạm Thị Dung		03/6/1990	Thị Trần Quảng Xương - TH	TC NHS	92		92.00	Chín mươi hai
2	Lê Thị Hà		19/5/1993	Quảng Định - Quảng Xương - TH	CĐ NHS	96		96.00	Chín mươi sáu
3	Lê Thùy Linh		04/5/1992	Thị Trần Quảng Xương - TH	CĐ NHS	97		97.00	Chín mươi bảy
4	Nguyễn Thị Phụng		20/5/1994	Quảng Phúc - Quảng Xương - TH	TC NHS	98		98.00	Chín mươi tám
5	Ngô Phương Quỳnh		02/7/1994	Quảng Nham - Quảng Xương - TH	TC NHS	95		95.00	Chín mươi lăm
6	Nguyễn Thị Thảo		02/4/1994	Quảng Giao - Quảng Xương - TH	TC NHS	100		100.00	Một trăm
7	Uông Thị Ngọc Trâm		02/01/1993	Quảng Thái - Quảng Xương - TH	TC NHS	100		100.00	Một trăm
8	Lê Thị Trang		03/7/1991	Quảng Lĩnh - Quảng Xương - TH	CĐ NHS	85		85.00	Tám mươi lăm
9	Triệu Thị Tuyết		25/10/1988	Lê Lai - P. Đông Sơn - TPTH	CĐ NHS	100		100.00	Một trăm
10	Lê Thị Tuyết		28/11/1986	Quảng Trường - Quảng Xương - TH	TC NHS	86		86.00	Tám mươi sáu

THỦ KÝ



Nguyễn Danh Đức

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Văn Oanh

BỆNH VIỆN ĐK QUẢNG XƯƠNG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: Được sĩ hạng IV (V.08.08.23)

TT		Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Mẫu số 14	
				Nam	Nữ					Bảng số	Tổng điểm
I	2		3		4	5	6	7	8	9=7+8	Bảng chữ
1	Lê Hồng Phong	15/8/1984				Quảng Thái - Quảng Xương - TH	Được sĩ Cao đẳng	90		90.00	Chín mươi
2	Nguyễn Bích Thảo			26/4/1996		Quảng Đông - Thành phố TH	Được sĩ Trung học	92		92.00	Chín mươi hai

THỦ KÝ

[Signature]

Nguyễn Danh Đức

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Văn Cường

BỆNH VIỆN ĐK QUẢNG XƯƠNG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: Kế toán viên (06.031)

Mẫu số 14

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ					Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7+8	10
1	Bùi Sỹ Lực	05/9/1987		Quảng Tân - Quảng Xương - TH	CN Tài chính NH	91		91.00	Chín mươi một
2	Nguyễn Phương Thúy		18/10/1990	Quảng Phong - Quảng Xương - TH	CN Tài chính NH	91.5		91.50	Chín mươi một phẩy năm mươi

THỦ KÝ

(Signature)

Nguyễn Danh Đức

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



BSC.10 Nguyễn Văn Cường

BỆNH VIỆN ĐK QUẢNG XƯƠNG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: Kế toán viên Cao đẳng (06a.031)

Mẫu số 14

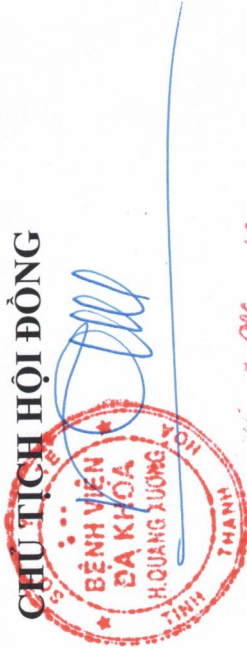
TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ					Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7+8	10
1	Trần Thị Hương		27/4/1992	Thành Long - Quảng Thành - TP TH	ĐH tài chính ngân hàng	91.5		91.50	Chín mươi một phẩy năm mươi
2	Nghiêm Thị Hương		13/9/1993	Thiệu Lý - Thiệu Hóa - TH	Cao đẳng Kế toán	95		95.00	Chín mươi lăm

THƯ KÝ



Nguyễn Danh Đức

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Văn Cường

BỆNH VIỆN ĐK QUẢNG XƯƠNG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: Chuyên Viên (01.003)

TT		Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Mẫu số 14	
				Nam	Nữ					Bảng số	Tổng điểm
1	2	Đinh Thị Lan Anh	3	08/9/1994	4	5	6	7	8	9=7+8	Bảng chữ
1	Đinh Thị Lan Anh	Tỉnh	05/9/1984			Quảng Ninh - Quảng Xương - TH	Cử nhân YTCC	95		95.00	Chín mươi lăm
2	Phạm Văn	Tỉnh	05/9/1984			Quảng Hải - Quảng Xương - TH	Công nghệ phần mềm	93		93.00	Chín mươi ba

THỦ KÝ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nguyễn Danh Đức

Nguyễn Văn Viên



BỆNH VIỆN ĐK QUẢNG XƯƠNG
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: Văn Thư (02.007)

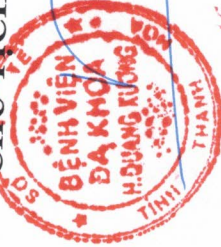
TT		Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Điểm phòng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Mẫu số 14	
			Nam	Nữ					Bảng số	Tổng điểm
1	2		3	4	5	6	7	8	9=7+8	Bảng chữ
1	Lê Thị Thu			01/10/1989	Quảng Phòng - Quảng Xương - T	ĐH quản trị KD và du lịch/ CĐ văn thư	97		97.00	Chín mươi bảy

THƯ KÝ

[Signature]

Nguyễn Danh Đức

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



[Signature]

NSC.A.I. Nguyễn Văn Cường